

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2017/DSPT

Ngày: 27- 9 -2017

V/v “tranh chấp hợp đồng
tặng cho tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Thị Hiền.

Ông Nguyễn Văn Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2017/TLPT – DS ngày 31 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2017/DSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 155/2017/QĐ-PT ngày 05/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn Đ; sinh năm 1961; có mặt.

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn:

1. Ông Vũ Văn D; sinh năm 1974; có mặt.

Địa chỉ: Thôn Y 3, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Nông Thị L; sinh năm 1976; có mặt.

Địa chỉ: Thôn Y 1, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Nguyễn Thị S; sinh năm 1963; có mặt.

Địa chỉ: Thôn Y 2, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Mai Thị M; vắng mặt.

2. Bà Vũ Thị T; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Y 1, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lê Thị T; vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Đ; có mặt.

3. Ông Trần Tiến C; có mặt.

4. Bà Trần Thị T; vắng mặt.

5. Bà Vũ Thị N; vắng mặt.

6. Bà Trần Thị Th; có mặt.

7. Bà Trần Thị K; vắng mặt.

8. Bà Trần Thị L; vắng mặt.

9. Bà Trần Thị Thu B; vắng mặt.

10. Bà Phạm Thị T; vắng mặt.

11. Bà Cao Thị M; vắng mặt.

12. Bà Trần Thị V; vắng mặt.

13. Ông Phạm Ngọc Đ1; có mặt.

14. Ông Vũ Xuân C; vắng mặt.

15. Ông Phạm Văn L; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Y 2, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nông Thị L, bà Nguyễn Thị S, ông Vũ Văn

D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2016, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Văn Đ trình bày:**

Vào năm 2011, tôi đã được sự đồng ý của UBND tỉnh Đắk Lắk, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và UBND huyện L đã cấp giấy phép số: 81/GPKT – UBND ngày 13/9/2011 về việc cho phép khai thác, tận dụng cây gỗ hương nguồn gốc tự nhiên còn sót lại trong vườn đất rẫy của ông Trần Đức L tại thôn Y 2, xã Đ, huyện L (có làm hợp đồng kinh tế hợp pháp giữa bà H’ Dăng Ông là chủ cây gỗ hương và tôi). Trước khi khai thác cây gỗ hương, tôi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước nên tôi tiếp tục làm việc với thôn Y 2, UBND xã Đ và đã trao tặng riêng cho thôn Y 2 một món quà trị giá 300.000.000 đồng để làm nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng và được nhân dân ở trong thôn chấp nhận. Số tiền trên tôi không có đòi hỏi gì.

Khi tôi bắt đầu tiến hành vào khai thác cây gỗ hương thì có một số người dân trong thôn Y 1, thôn Y 2, thôn Y 3 đứng ra ngăn chặn, cản trở, chống đối quyết liệt không cho khai thác, vận chuyển và đòi thêm tôi số tiền là 200.000.000 đồng là tiền công giữ cây hương. Lúc này, mặc dù có nhờ đến sự hỗ trợ của lực lượng công an xã Đ và công an huyện L nhưng một số người dân của ba thôn vẫn cương quyết chống đối quyết liệt, ngăn chặn, kích động thể hiện hành vi mang tính chất côn đồ, rất hung hăng, ép buộc tôi phải đưa cho ba thôn số tiền trên thì mới cho khai thác, vận chuyển cây gỗ hương. Vì quá bức xúc nên tôi thấy việc khai thác gỗ hương trên thực tế không thể giải quyết bằng pháp luật được nên tôi phải vay mượn để có được số tiền 150.000.000 đồng giao cho ba thôn Y 1, Y 2, Y 3 mỗi thôn 50.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích chung. Cụ thể, đại diện cho ba thôn đứng ra nhận tiền của tôi là bà Nông Thị L ở thôn Y 1, bà Nguyễn Thị S ở thôn Y 2 và ông Vũ Văn D ở thôn Y 3 (có viết giấy giao nhận tiền đề ngày 27/11/2014 tại nhà ông Phạm Văn L – Bí thư chi bộ thôn Y 2).

Tuy nhiên, sau đó tôi phát hiện ra bà Nông Thị L, bà Nguyễn Thị S và ông Vũ Văn D không có chức vụ quyền hạn gì trong thôn và việc nhận tiền dùng vào mục đích riêng cho cá nhân chứ không giao nộp lại cho các trưởng thôn để sử dụng vì mục đích chung của thôn. Tôi thấy quyền tài sản tặng cho của mình cho người khác đã bị xâm phạm, do người khác đang chiếm giữ, sử dụng không có căn cứ pháp luật, vì vậy tôi làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nông Thị L, bà Nguyễn Thị S, ông Vũ Văn D mỗi người phải có nghĩa vụ trả lại cho tôi số tiền là 50.000.000 đồng, tổng cộng cả 03 người là 150.000.000 đồng. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nông Thị L, bà Nguyễn Thị S và ông Vũ Văn D trình bày:

Việc nhận tiền của ông Võ Văn Đ vào ngày 27/11/2014 tại nhà ông Phạm Văn L – Bí thư chi bộ thôn Y 2 (có viết giấy giao nhận tiền và có xác nhận của UBND xã Đ, huyện L), mỗi người nhận số tiền là 50.000.000 đồng là đúng sự

thật, mặc dù khi chúng tôi nhận tiền không có giấy ủy quyền của các trưởng thôn. Nhưng đây là số tiền của ông Đ đã trao tặng riêng cho chúng tôi nhận đại diện cho cả ba thôn Y 1, Y 2, Y 3 để chia cho những người dân trong thôn có công lao đi bảo vệ giữ cây hương; lúc ban đầu chúng tôi đã từ chối không dám ký nhận tiền của ông Đ. Song, ông Đ cứ năn nỉ chúng tôi: “cô chú cứ nhận tiền giúp tôi đi không sợ đâu và ông L Bí thư Chi bộ thôn Y 2 cũng nói với chúng tôi các cô, chú, cháu cứ nhận lấy đi số tiền này tặng cho không liên quan gì đến pháp luật đâu, ai đi giữ nhiều thì chia tiền nhiều và những ai đi giữ ít thì chia tiền ít, thì chúng tôi nghe như vậy mới yên tâm nên chúng tôi mới dám nhận số tiền trên”. Sau khi nhận tiền 50.000.000 đồng của ông Võ Văn Đ xong, thì bà Nông Thị L đem về chia đều số tiền này cho bà Mai Thị M, bà Vũ Thị T đều ở thôn Y 1, mỗi người là: 16.666.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình hết và số tiền còn lại là: 16.668.000 đồng bà L cũng đã sử dụng chi tiêu sinh hoạt riêng trong gia đình. Đối với bà Nguyễn Thị S, sau khi nhận tiền 50.000.000 đồng của ông Võ Văn Đ xong thì đem số tiền này chi phí tổ chức liên hoan hết cho anh chị em trong thôn là những người có công lao bảo vệ cây hương. Còn đối với ông Vũ Văn D, sau khi nhận tiền 50.000.000 đồng của ông Võ Văn Đ xong, đã sử dụng vào mục đích chi tiêu sinh hoạt riêng cá nhân trong gia đình. Nay ông Võ Văn Đ khởi kiện ba người chúng tôi ông yêu cầu đòi lại toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng, chúng tôi cương quyết không đồng ý chấp nhận trả lại cho ông Võ Văn Đ. Vì số tiền đó đã tặng riêng cho chúng tôi cùng nhân dân 3 thôn tiêu xài, không có tiền để trả cho ông Võ Văn Đ nữa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị M, bà Vũ Thị T tham gia tố tụng với bên bị đơn bà Nông Thị L trình bày:** Thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn bà Nông Thị L. Chúng tôi đã thừa nhận, nhận tiền của bà Nông Thị L chia cho chúng tôi mỗi người là: 16.666.000 đồng. Số tiền trên chúng tôi đã nhận của bà L thì nghe nói là số tiền của ông Võ Văn Đ tặng riêng cho những người có công lao đi bảo vệ giữ cây hương để ông Võ Văn Đ khai thác. Sau khi nhận tiền từ bà L xong, thì chúng tôi đã sử dụng tiêu xài sinh hoạt trong gia đình hết; nếu ông Võ Văn Đ yêu cầu đòi lại số tiền trên thì chúng tôi không đồng ý chấp nhận để trả lại cho ông Võ Văn Đ nữa.

*** Người làm chứng bà Lê Thị T, Bà Trần Thị Đ, ông Trần Tiến C, bà Trần Thị T, bà Vũ Thị N, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị K, bà Trần Thị L, bà Trần Thị Thu B, bà Phạm Thị T, bà Cao Thị M, bà Trần Thị V, ông Phạm Ngọc Đ1, ông Vũ Xuân C tham gia tố tụng với bên bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:** Thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị S trên đây. Chúng tôi đã thừa nhận, bà Nguyễn Thị S đã nhận tiền của ông Võ Văn Đ là: 50.000.000 đồng, đây là số tiền ông Đ tặng cho chúng tôi là những người

có công lao đi bảo vệ giữ cây hương để cho ông Đ khai thác. Sau đó, bà S tổ chức liên hoan cho anh, chị, em chúng tôi ở trong thôn Y 2.

* **Ông Phạm Văn L trình bày:** Thông nhất với ý kiến trình bày của ông Võ Văn Đ trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa. Sau khi ông Võ Văn Đ tặng 300.000.000 đồng cho thôn Y 2, xã Đ, huyện L, Đắk Lắk tại UBND xã Đ để xây dựng nhà Văn hóa sinh hoạt cộng đồng; cách vài hôm ông Đ đến khai thác cây gỗ hương, thì có một số người dân của ba thôn Y 1, thôn Y 2, thôn Y 3; gây rối mất trật tự không cho ông Đ khai thác. Thấy vậy, tôi điện cho chính quyền địa phương can thiệp giải quyết nhưng không gặp ai nên tôi mời bà Nông Thị L, bà Nguyễn Thị S và ông Vũ Văn D về nhà tôi để giải quyết. Tại nhà tôi, bà L, bà S và ông D yêu cầu ông Đ phải giao thêm tiền 150.000.000 đồng nữa mới cho ông Đ khai thác cây gỗ hương, thì ông Đ mới nhờ người đi vay mượn tiền về giao cho họ, có lập giấy tờ biên bản giao nhận tiền tặng cho vào ngày 27/11/2014, với nội dung là ông Võ Văn Đ đã tặng cho ba thôn với tổng số tiền là: 150.000.000 đồng, giao tiền cho bà L, bà S và ông D mỗi người 50.000.000 đồng.

Tại Bản án số 02/2017/DSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lắk quyết định:

Căn cứ vào Điều 256, khoản 1 Điều 298, Điều 465, khoản 1 Điều 599, khoản 1 Điều 600 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 205, Điều 220, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ về việc đòi lại tài sản tặng cho đối với bà Nông Thị L, bà Nguyễn Thị S và ông Vũ Văn D. Cụ thể:

- Buộc bà Nông Thị L phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Võ Văn Đ số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Võ Văn Đ số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

- Buộc ông Vũ Văn D phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Võ Văn Đ số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

* Ngày 01/8/2017, các bị đơn bà Nông Thị L, bà Nguyễn Thị S, ông Vũ Văn D có đơn kháng cáo với nội dung: Ông Đ đã tặng cho số tiền 150.000.000 đồng cho bà L, bà S và ông D nên ông Đ không có quyền khởi kiện đòi lại số tiền trên. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và

đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông ông Võ Văn Đ vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, các bị đơn bà Nông Thị L, bà Nguyễn Thị S và ông Vũ Văn D vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận đơn kháng cáo của các bị đơn bà Nông Thị L, bà Nguyễn Thị S và ông Vũ Văn D. Không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Vũ Văn Đ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Xét đơn kháng cáo của các bị đơn nộp trong thời hạn luật định và hợp lệ. Các bị đơn cho rằng Tòa án nhân dân huyện Lắk không áp dụng điều khoản chuyển tiếp quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 mà đã áp dụng ngay các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án là trái pháp luật vì BLDS 2005 đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. HĐXX thấy rằng: Quan hệ pháp luật đang tranh chấp là quan hệ tặng cho tài sản, bên tặng cho đã giao tiền và bên nhận tặng cho đã nhận tiền, do đó theo quy định tại Điều 466 BLDS năm 2005 thì giao dịch dân sự này đã được thực hiện xong tại thời điểm các bên viết giấy nhận tiền, ngày 27/11/2014. Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết”. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Lắk đã áp dụng BLDS 2005 để giải quyết vụ án là đúng quy định, nhưng việc không viện dẫn điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 trước khi áp dụng các quy định của BLDS 2005 là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[2]. Xét Biên bản nhận tiền tặng ngày 27/11/2014 có nội dung: Ông Đ tự nguyện tặng cho thôn Y 1, Y 2 và Y 3 mỗi thôn 50.000.000 đồng, bà Nông Thị L đại diện cho thôn Y 1, bà Nguyễn Thị S đại diện cho thôn Y 2 và ông Vũ Văn D đại diện cho thôn Y 3 ký nhận tiền. Giấy nhận tiền được ông Phạm Văn L – bí thư chi bộ thôn Y 2 ký và được chủ tịch UBND xã Đ xác nhận. Ông Đ cho rằng

do có một số người dân đứng ra ngăn chặn, cản trở, chống đối không cho ông Đ vận chuyển cây gỗ hương ra khỏi địa bàn và đòi ông Đ số tiền 200.000.000 đồng. Mặc dù có nhờ đến sự can thiệp của công an xã Đ và công an huyện L nhưng không được nên ông Đ phải giao cho đại diện của 03 thôn, cụ thể là ông Vũ Văn D, bà Nông Thị L và bà Nguyễn Thị S mỗi người 50.000.000 đồng để được khai thác, vận chuyển cây gỗ hương. Như vậy, ông Đ cho rằng do bị ép buộc nên mới phải tặng cho số tiền này, tuy nhiên, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông bị đe dọa, ép buộc. Mặt khác, tại biên bản nhận tiền cũng có nội dung: “ông Võ Văn Đ tự nguyện tặng cho... việc thỏa thuận này hai bên đều vui vẻ, không có ý kiến gì thêm”. Do đó đủ cơ sở để khẳng định việc tặng cho tiền của ông Đ cho ba thôn là hoàn toàn tự nguyện.

Tại thời điểm giao tiền, mặc dù biết bà S, bà L và ông D không có chức vụ gì trong thôn nhưng ông Đ vẫn đồng ý giao tiền. Vì vậy, việc bà S, bà L và ông D nhận tiền của ông Đ là có căn cứ pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 183 BLDS 2005. Việc bà S, bà L và ông D sử dụng tiền vì mục đích cá nhân mà không nộp vào quỹ 03 thôn để sử dụng cho hoạt động chung của thôn, các trưởng thôn đều biết nhưng không có yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đúng ra khi thấy ông D, bà L và bà S không giao lại khoản tiền mà mỗi người đã nhận tặng cho từ ông Đ cho ba thôn Y 1, Y 2, Y 3 mỗi thôn là 50.000.000 đồng thì chính quyền ba thôn mà đứng đầu là các trưởng thôn phải có ý kiến yêu cầu ông D, bà L và bà S phải nộp lại số tiền trên cho trưởng thôn của ba thôn để sử dụng khoản tiền trên đúng mục đích. Do đó, trong vụ án tranh chấp “Hợp đồng tặng cho tài sản”, người có quyền đứng ra khởi kiện yêu cầu ông D, bà L và bà S mỗi người phải trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho ba thôn Y 1, Y 2, Y 3 phải là các trưởng thôn mới đúng quy định của pháp luật. Nên việc ông Đ đứng ra khởi kiện yêu cầu ông D, bà S và bà L mỗi người phải trả lại cho ông số tiền 50.000.000 đồng mà ông tặng cho ba thôn theo giấy nhận tiền ngày 27/11/2014 là không có căn cứ. Mặt khác, việc cấp sơ thẩm áp dụng Điều 599, Điều 600 BLDS quy định về nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản của người khác mà không có căn cứ pháp luật để buộc bà S, bà L và ông D mỗi người phải trả cho ông Đ số tiền 50.000.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của các bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm. Không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn Đ.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do không được chấp nhận đơn khởi kiện nên ông Võ Văn Đ phải chịu

án phí dân sự sơ thẩm theo mức: 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng.

- Các bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên ông D, bà L, bà S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà Nông Thị L, bà Nguyễn Thị S và ông Vũ Văn D.

- Sửa Bản án sơ thẩm số 02/2017/DSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 183; Điều 465; Điều 466 Bộ luật dân sự 2005; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 38 BLTTDS; áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn Đ về việc buộc bà Nông Thị L, bà Nguyễn Thị S và ông Vũ Văn D, mỗi người phải trả cho ông Võ Văn Đ số tiền 50.000.000 đồng.

[2]. Về án phí:

[2.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Văn Đ phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Đ đã nộp theo biên lai số: AA/2014/0035052 ngày 26/10/2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk, ông Võ Văn Đ còn phải tiếp tục nộp 3.750.000 đồng.

- Các bị đơn ông Vũ Văn D, bà Nguyễn Thị S và bà Nông Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[2.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Văn D, bà Nguyễn Thị S và bà Nông Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông Vũ Văn D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0035187 và hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0035186 cùng ngày 04/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện Lắk;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Bằng